

Số: /KH-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2020

KẾ HOẠCH
Sản xuất gắn với xuất khẩu vải thiều năm 2021

Thực hiện Công văn số 3853/UBND-NN ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc tổ chức chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất, tiêu thụ vải thiều năm 2021; Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch tổ chức sản xuất vải thiều năm 2021, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức sản xuất vải thiều tập trung quy mô lớn, nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; lựa chọn, áp dụng công nghệ hiện đại vào bảo quản, chế biến, đóng gói nhằm kéo dài thời gian tiêu thụ vải thiều đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu truyền thống và thị trường mới nhằm nâng cao giá trị và hiệu quả của sản xuất vải thiều.
- Hình thành và phát triển các chuỗi liên kết chặt chẽ trong sản xuất - bảo quản - chế biến - tiêu thụ vải ổn định, hiệu quả, bền vững.

2. Yêu cầu

- Tổ chức sản xuất theo mô hình Hợp tác xã, Tổ hợp tác liên kết sản xuất để sản xuất tập trung quy mô lớn, triển khai áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tạo ra sản phẩm an toàn đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Đẩy mạnh sản xuất vải an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ; áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiến bộ để triển khai tổ chức sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu vào các thị trường khó tính như: Mỹ, Nhật Bản, Úc...; nắm chắc tình hình thị trường truyền thống và thị trường mới để có thông tin dự báo, định hướng cho công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tổ chức sản xuất

Kế hoạch diện tích vải năm 2021 là 27.700 ha; năng suất 58,7 tạ/ha; sản lượng 160.000 tấn, trong đó:

- Diện tích vải sớm 6.050 ha, năng suất 67 tạ/ha, sản lượng 40.500 tấn; vải chính vụ 21.650 ha, sản lượng 119.500 tấn.

- Sản xuất vải an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP 15.200 ha, năng suất 73,3 tạ/ha; sản lượng 111.450 tấn; vải sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP 338 ha, sản lượng 2.460 tấn.

- Vải thiều xuất khẩu:

+ Đối với thị trường Trung Quốc: Tập trung chỉ đạo sản xuất đối với 149 mã số vùng trồng đã được Trung Quốc chấp thuận với diện tích 15.867 ha, sản lượng khoảng 95.000 tấn tại các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Tân Yên đảm bảo điều kiện xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc; duy trì 289 mã số cơ sở đóng gói phục vụ đủ nhu cầu xuất khẩu.

+ Đối với thị trường Mỹ, EU: Duy trì sản xuất 18 mã số vùng trồng diện tích 218 ha; năng suất 75 tạ/ha; sản lượng 1.600 tấn.

+ Đối với thị trường Nhật Bản: Tiếp tục chỉ đạo 19 mã số vùng trồng, diện tích 103 ha, trong đó: vùng vải sớm (Tân Yên) 05 ha, vải thiều chính vụ (Lục Ngạn) 98 ha; năm 2021 rà soát mở rộng thêm vùng vải sớm 5-10 ha (Tân Yên), vải thiều chính vụ 20-30 ha, nâng tổng số diện tích vùng vải thiều để phục vụ xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản khoảng 138 ha, sản lượng khoảng 1.300 tấn; duy trì 01 cơ sở xông hơi khử trùng, đóng gói đáp ứng nhu cầu phục vụ xuất khẩu.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Giải pháp về quy hoạch

Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, không mở rộng diện tích, tập trung phát triển theo chiều sâu để nâng cao năng suất, chất lượng. Đối với diện tích vải kém hiệu quả khuyến khích chuyển đổi sang cây trồng khác có giá trị cao hơn.

2.2. Giải pháp về kỹ thuật

a) Biện pháp chăm sóc để nâng cao khả năng ra hoa, đậu quả đảm bảo năng suất, chất lượng:

Thường xuyên kiểm tra tình hình sinh trưởng phát triển và sâu bệnh hại để tiến hành chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh kịp thời, hiệu quả. Áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật như: cắt tỉa, khoanh cành, tưới nước, bón phân và xử lý bằng hóa chất... đặc biệt khi điều kiện thời tiết ẩm hoặc quá lạnh để cây phân hóa mầm hoa, ra hoa đậu quả đảm bảo năng suất, cụ thể:

- Tiến hành cắt tỉa sau khi thu hoạch, loại bỏ những cành đã mất khả năng quang hợp, cành sát mặt đất, một số cành mọc xít nhau, cành tăm, cành sâu bệnh. Tùy theo tuổi cây và chiều cao cây để đốn đầu, hạ thấp tán hay chỉ tỉa thưa.

- Khoanh cành khi lộc đã thành thực (từ cuối tháng 11 đến đầu tháng 12) kết hợp xử lý bằng hóa chất như phun chế phẩm kích thích ra hoa.

- Tưới nước: Duy trì độ ẩm giai đoạn cây vải bắt đầu nhú giò hoa để phát triển chùm hoa.

- Bón phân: Thực hiện bón phân sau thu hoạch, bón thúc lộc thu và bón thúc nuôi quả. Đối với bón phân đợt lộc cuối (cành quả), hạn chế bón phân đạm, tăng lượng kali, hạn chế lộc đông, phân hóa mầm hoa thuận lợi.

b) Biện pháp phòng trừ sâu bệnh:

Thực hiện tốt công tác dự tính dự báo, phòng trừ kịp thời các đối tượng sâu bệnh gây hại cho vải thiều nhằm đảm bảo năng suất, chất lượng để phục vụ cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, cụ thể như: Sâu đo, sâu róm, sâu đục quả, nhện lông nhung, rệp muội, bọ xít, sâu đo, bệnh sương mai...

c) Biện pháp nâng cao chất lượng quả để có sản phẩm an toàn tiêu thụ trong nước và xuất khẩu:

- Thực hiện sản xuất vải theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ; khuyến cáo sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh; thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục được phép sử dụng trên vải, ưu tiên dùng thuốc có nguồn gốc sinh học, thuốc có thời gian cách ly ngắn và đảm bảo thời gian cách ly ghi trên nhãn thuốc; không sử dụng thuốc chứa hoạt chất phốt pho; thị trường: Mỹ, Úc, Nhật Bản cấm đối với vùng vải thiều xuất khẩu vào thị trường khó tính; giám sát chặt chẽ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của nông dân để có sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn phục vụ xuất khẩu.

- Triển khai nhân rộng việc áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (mã số mã vạch gắn với thông tin tra cứu về sản phẩm) để nhận diện và truy xuất được nguồn gốc các sản phẩm vải thiều. Qua đó kiểm soát chặt chẽ tất cả các khâu: sản xuất, bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ... gắn với sản xuất theo chuỗi giá trị nhằm bảo vệ sức khỏe, quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao giá trị sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

d) Biện pháp nâng cao năng lực sơ chế bảo quản, đóng gói, xông hơi khử trùng quả vải:

- Thực hiện việc đa dạng hình thức bảo quản, đóng gói để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; chỉ đạo thực hiện ứng dụng các công nghệ bảo quản hiện đại như: Sử dụng công nghệ màng bao gói khí quyển biến đổi MAP, công nghệ CAS của Nhật Bản, công nghệ Jural của Israen và các công nghệ bảo quản tiên tiến khác nhằm phục vụ cho xuất khẩu vải thiều tươi đến các thị trường xa, tiềm năng.

- Đầu tư hỗ trợ nâng cấp các cơ sở sơ chế đóng gói, bảo quản và cơ sở xông hơi khử trùng đảm bảo đủ năng lực, kịp thời phục vụ xuất khẩu sang thị trường khó tính.

2.3. Giải pháp thông tin tuyên truyền, tập huấn

- Tập trung đào tạo tập huấn cho cán bộ, Ban điều hành, tổ hợp tác và các hộ nông dân thực hiện sản xuất vải về công tác quản lý sản xuất, quy trình sản xuất vải VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các qui định của thị trường xuất khẩu; danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và thuốc cấm sử dụng, biện pháp phòng chống sâu bệnh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn hiệu quả.

- Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin như: truyền hình, báo, đài, Website... về hướng dẫn kỹ thuật, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho vải thiều, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, các yêu cầu quy định về tiêu chuẩn vải thiều đủ điều kiện xuất sang thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, EU và các thị trường truyền thống khác.

2.4. Giải pháp liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm

- Tăng cường kết nối, mời gọi các doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hiệu quả và ổn định. Đặc biệt, chú trọng kết hợp với các hệ thống siêu thị như: Saigon Co.op, BigC, Hapro, Coopmart... đưa vải thiều chất lượng ngay từ đầu vụ vào tiêu thụ sẽ nâng cao giá trị của sản phẩm vải.

- Thông tin đầy đủ, kịp thời yêu cầu của thị trường xuất khẩu, trong đó quan tâm thị trường xuất khẩu truyền thống là Trung Quốc; nâng cao sản lượng xuất khẩu sang các thị trường cao cấp như: EU, Singapore, Australia, Mỹ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc...

3. Kinh phí hỗ trợ thực hiện Kế hoạch

- Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí để tổ chức thực hiện Kế hoạch, bao gồm các nội dung: Tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất vải cho nông dân; tuyên truyền và hoạt động của tổ chỉ đạo hướng dẫn kỹ thuật; điều tra khảo sát, lựa chọn đánh giá, cấp mã số vùng sản xuất; phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trước khi thu hoạch; đưa đón chuyên gia Nhật Bản sang giám sát công tác xông hơi khử trùng quả vải thiều xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản tại tỉnh Bắc Giang. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ 500 triệu đồng.

- Đề nghị UBND các huyện hỗ trợ kinh phí thực hiện Kế hoạch, gồm các nội dung:

+ Hỗ trợ vật tư: thuốc bảo vệ thực vật, phân bón; nơi cất giữ thuốc bảo vệ thực vật, chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật; phân tích mẫu quả vải về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trước khi thu hoạch; hỗ trợ kinh phí tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân; chứng nhận vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...;

+ Hỗ trợ khuyến khích hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, sơ chế, đóng gói, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm vải đối với tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm.

+ Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; nâng cấp và hoàn thiện cơ sở đóng gói, xông hơi khử trùng đảm bảo đáp ứng kịp thời phục vụ xuất khẩu; hỗ trợ đưa đón chuyên gia Nhật Bản sang giám sát công tác xông hơi khử trùng quả vải thiều xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản tại tỉnh Bắc Giang.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị UBND các huyện sản xuất vải

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng tổ chức thực hiện hoàn thành Kế hoạch sản xuất vải năm 2021; tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn người trồng vải áp dụng khoa học kỹ thuật mới, tiên tiến đảm bảo theo yêu cầu của từng thị trường; mở rộng diện tích trồng vải theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ... để đảm bảo an toàn đủ điều kiện phục vụ trong nước và xuất khẩu.

- Thành lập tổ công tác chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, quản lý sản xuất, phòng trừ sâu bệnh tại các vùng sản xuất vải thiều, đặc biệt các vùng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Mỹ, Úc, EU...

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã liên quan phối hợp các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT tuyên truyền, vận động, lựa chọn vùng sản xuất, cấp mã số vùng trồng theo qui định của thị trường Nhật Bản; giám sát quy trình chăm sóc, sử dụng hóa chất thuốc BVTV, quản lý dịch hại đảm bảo các qui định của các thị trường trong vùng sản xuất; quản lý chặt chẽ việc kinh doanh, buôn bán, sử dụng vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất vải thiều trên địa bàn huyện.

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc nông dân tham gia ký kết hợp đồng với doanh nghiệp trong quá trình sản xuất và tiêu thụ vải thiều, đảm bảo doanh nghiệp có đủ sản phẩm chất lượng phục vụ xuất khẩu; hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất và kinh doanh vải thiều trên địa bàn.

- Bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm như: Hỗ trợ nông dân mua thuốc trừ sâu sinh học, phân bón vi sinh; xây kho (mua thùng), nâng cấp nơi cất giữ, bảo quản thuốc BVTV, nơi chứa vỏ bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng; phân tích mẫu quả vải về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trước khi thu hoạch; hỗ trợ kinh phí tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân; chứng nhận vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...

2. Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT

2.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là cơ quan đầu mối của Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các huyện và các đơn vị liên quan thuộc Sở tổ chức chỉ đạo, triển khai kế hoạch sản xuất vải thiều năm 2021. Phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng KHKT vào sản xuất; điều tra, theo dõi diễn biến phát sinh, gây hại của

các đối tượng sâu bệnh để có biện pháp phòng trừ kịp thời. Phối hợp với các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống sâu bệnh hại vải, biện pháp sử dụng thuốc BVTV an toàn hiệu quả.

- Tham mưu, hướng dẫn các cơ sở các thủ tục mở rộng diện tích cấp mã vùng trồng để phục vụ cho xuất khẩu. Giữ mối liên hệ với Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật chỉ đạo, đôn đốc, tổng hợp và cung cấp thông tin vùng trồng theo yêu cầu khi xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc và các thị trường khác.

2.2. Chỉ cục Quản lý chất lượng Nông, lâm sản và thủy sản

Thực hiện tốt công tác phối hợp chỉ đạo sản xuất vải thiều đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt quan tâm đến vùng sản xuất vải VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ. Tổ chức kiểm tra thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến vải.

2.3. Trung tâm Khuyến nông

Tập huấn, xây dựng mô hình sản xuất vải VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất vải; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các mô hình sản xuất có hiệu quả để nhân rộng; các yêu cầu, tiêu chuẩn quy định về tiêu chuẩn quả vải xuất khẩu, đặc biệt là sang thị trường Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, EU...

2.4. Thanh tra Sở

Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Sở, cơ quan chuyên môn của các huyện, thành phố thực hiện quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; xử lý kiên quyết, triệt để các trường hợp vận chuyển, mua bán, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng, các loại thuốc cấm, thuốc ngoài danh mục; đồng thời thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.5. Văn phòng Sở

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện hỗ trợ kinh phí đưa đón chuyên gia Nhật Bản sang giám sát công tác xông hơi khử trùng quả vải thiều xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản tại tỉnh Bắc Giang.

3. Người sản xuất

Yêu cầu các hộ, hợp tác xã trong quá trình sản xuất, phòng trừ sâu bệnh phải tuân thủ nghiêm ngặt các qui định của Tổ chỉ đạo của tỉnh, huyện, các cơ quan liên để đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của từng thị trường; cam kết không sử dụng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật, phân bón cấm; khi sử dụng thuốc BVTV, phân bón phải đảm bảo thời gian cách ly và dư lượng theo qui định; thực hiện đúng hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp, đảm bảo có đủ sản phẩm chất

lượng phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Chuẩn bị đầy đủ vật tư đầu vào, công chăm sóc và kinh phí đối ứng để phục vụ sản xuất.

4. Doanh nghiệp tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm

Chủ động đàm phán ký hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm với các hộ, hợp tác xã sản xuất vải ngay từ đầu vụ; chuẩn bị đầy đủ các phương án, các điều kiện phục vụ xuất khẩu được ổn định, lâu dài và có hiệu quả. Hướng dẫn người sản xuất thu hoạch, bảo quản, đóng gói theo tiêu tiêu chuẩn xuất khẩu. Hỗ trợ cho công tác bảo quản, đóng gói...

Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện nội dung Kế hoạch này; Báo cáo kết quả triển khai thực hiện cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Cục TT, BVTV;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các Sở: Công thương, KH&CN, KH&ĐT, Tài chính;
- Đài PTTH, Báo Bắc Giang;
- UBND các huyện;
- Các phòng KH-TC, Thanh tra, Văn phòng Sở;
- Các Chi cục: QLCL, TT&BVTV, KN;
- Phòng NN&PTNT (KT) các huyện, TP;
- Lưu: VT, TT&BVTV.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Bá Thành